

Nghị quyết số: 44/2022/QH15

NGHỊ QUYẾT

**Về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc
Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Sau khi xem xét Tờ trình số 568/TTr-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 602/BC-UBKT15 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Báo cáo số 105/BC-UBTVQH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Dự án), gồm các đoạn từ Bãi Vọt (Hà Tĩnh) đến Cam Lộ (Quảng Trị), từ Quảng Ngãi đến Nha Trang (Khánh Hòa) và từ Cần Thơ đến Cà Mau.

Điều 2

1. Mục tiêu:

Hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; kết nối các trung tâm kinh tế, chính trị, các khu kinh tế, khu công nghiệp trọng yếu, đặc biệt là các vùng kinh tế trọng điểm; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với các công trình hiện đại, tạo sức lan tỏa cao để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra.

2. Phạm vi, quy mô, hình thức đầu tư:

Đầu tư khoảng 729 km, chia thành 12 dự án thành phần vận hành độc lập theo hình thức đầu tư công, quy mô đầu tư của từng dự án thành phần chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền thẩm định và quyết

định đầu tư các dự án thành phần được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Công nghệ:

Dự án áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm yêu cầu an toàn, đồng bộ, chất lượng và hiệu quả. Khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong tổ chức thi công, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện hình thức thu phí tự động không dừng trong khai thác, vận hành.

4. Nhu cầu sử dụng đất và phương án giải phóng mặt bằng:

Sơ bộ nhu cầu sử dụng đất của Dự án khoảng 5.481 ha, trong đó đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên khoảng 1.532 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 110 ha, đất rừng sản xuất khoảng 1.436 ha. Giải phóng mặt bằng các dự án thành phần theo quy mô 06 làn xe, riêng đối với các dự án thành phần Cần Thơ - Hậu Giang và Hậu Giang - Cà Mau giải phóng mặt bằng theo quy mô 04 làn xe.

5. Sơ bộ tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

Sơ bộ tổng mức đầu tư của Dự án là 146.990 tỷ đồng (*một trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm chín mươi tỷ đồng*), trong đó:

- Giai đoạn 2021 - 2025 bố trí 119.666 tỷ đồng (*một trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi sáu tỷ đồng*) cân đối điều hòa từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Giai đoạn 2026 - 2030 bố trí 27.324 tỷ đồng (*hai mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi bốn tỷ đồng*).

6. Tiến độ thực hiện:

Chuẩn bị đầu tư, thực hiện Dự án từ năm 2021, cơ bản hoàn thành năm 2025 và đưa vào khai thác, vận hành từ năm 2026.

Điều 3

Giao Chính phủ tổ chức thực hiện các nội dung sau đây:

1. Triển khai tổ chức thực hiện, quản lý và khai thác, vận hành Dự án theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình. Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về hình thức thu phí tự động không dừng; xây dựng phương án, tổ chức thực hiện thu hồi vốn đầu tư Dự án để hoàn trả vào ngân sách trung ương;

2. Hoàn chỉnh hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên của Dự án, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương trước khi quyết định đầu tư dự án;

3. Việc triển khai, thực hiện Dự án được áp dụng cơ chế đặc thù quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01

năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

4. Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đúng mục tiêu, công khai, minh bạch và hiệu quả, không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí; hằng năm báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình thực hiện Dự án; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về chủ trương đầu tư và hỗ trợ triển khai Dự án.

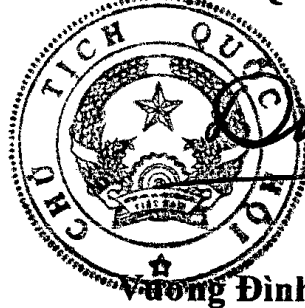
Điều 4

1. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm toán việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Kinh tế, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Vương Đình Huệ

PHỤ LỤC

**Danh mục các dự án thành phần thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ
cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022)

TT	Tên dự án	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô		Sơ bộ tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Hình thức đầu tư
			Số làn xe	Cấp đường ô tô cao tốc		
1	Bãi Vọt - Hàm Nghi	36	4	80 - 120	7.403	Đầu tư công
2	Hàm Nghi - Vũng Áng	54	4	80 - 120	10.185	Đầu tư công
3	Vũng Áng - Bùng	58	4	80 - 120	11.785	Đầu tư công
4	Bùng - Vạn Ninh	51	4	80 - 120	10.526	Đầu tư công
5	Vạn Ninh - Cam Lộ	68	4	80 - 120	10.591	Đầu tư công
6	Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	88	4	80 - 120	20.898	Đầu tư công
7	Hoài Nhơn - Quy Nhơn	69	4	80 - 120	12.544	Đầu tư công
8	Quy Nhơn - Chí Thạnh	62	4	80 - 120	12.298	Đầu tư công
9	Chí Thạnh - Vân Phong	51	4	80 - 120	10.601	Đầu tư công
10	Vân Phong - Nha Trang	83	4	80 - 120	12.906	Đầu tư công
11	Cần Thơ - Hậu Giang	37	4	80 - 120	9.768	Đầu tư công
12	Hậu Giang - Cà Mau	72	4	80 - 120	17.485	Đầu tư công
Tổng cộng		729			146.990	